

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG  
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hóa;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa ngày 25/4/2025.

Đại hội đồng cổ đông quyết nghị:

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 với một số các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Thực hiện	% TH/KH
I	Khối lượng thực hiện			
1	Công tác quét thu gom rác đường hè phố bằng thủ công:			
1.1	Công tác quét rác mặt đường, hè phố, công viên, khuôn viên bằng thủ công	ha	36.385,609	99,2 %
1.2	Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày	Km	13.006,176	100%

1.3	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm	Km	59.526,24	100%
1.4	Quét dài phân cách bằng cơ giới	km	18.588,96	100%
1.5	Quét dài phân cách bằng thủ công	km	706,38	100%
1.6	Tua vĩa hè gốc cây cột điện miệng cống hàm ếch	Tấn	3.702,92	100%
2	<b>Công tác vận chuyển, xử lý rác</b>			
2.1	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép $\leq 5$ tấn cự ly 20km	Tấn	76.544,89	98,65%
2.2	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép $\leq 5$ tấn cự ly 25km	Tấn	24.361,34	112,82%
2.3	Công tác vận chuyển rác bằng xe ép 5 tấn < xe < 10 tấn cự ly 20km	Tấn	21.254,67	109,57%
2.4	Công tác xử lý rác	tấn	145.830,38	102,69 %
3	<b>Thu gom phế thải xây dựng</b>	<b>Tấn</b>	<b>2.520,00</b>	<b>100%</b>
4	<b>Công tác thoát nước</b>	<b>m3</b>	<b>3.425</b>	<b>100%</b>
5	<b>Duy trì, quản lý công viên khuôn viên</b>	<b>ha</b>	<b>108</b>	<b>100%</b>
6	<b>Công tác quản lý cây xanh đô thị:</b>			
6.1	Cắt thấp tán không chế chiều cao cây loại 2	cây	1000	100%
6.2	Chặt hạ cây khô mục	cây	70	100%
6.3	Giải toả cây gãy, đổ	cây	40	100%
7	<b>Công tác quản lý, vận hành điện chiếu sáng</b>	<b>Lần</b>	<b>17.946</b>	<b>99,7%</b>
8	<b>Vận hành nhà máy xử lý nước thải TP</b>	<b>100m3</b>	<b>12.810</b>	<b>100%</b>
10	<b>Công tác thu phí VSMT</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>26.800</b>	<b>101,97%</b>
11	<b>Sửa chữa cơ sở hạ tầng thành phố, chỉnh trang đô thị</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>18.929</b>	<b>100%</b>
II	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>276.543</b>	<b>111,5%</b>
III	<b>Các khoản nộp ngân sách nhà nước:</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>14.006</b>	<b>107,7%</b>



IV	Lao động	Người	857	
V	Thu nhập bình quân người lao động	Trđ/ người/ tháng	6,45	107,5%
VI	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.943,5	105%

## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025
1.	Tổng doanh thu	Triệu đồng/năm	285.000
2.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng/năm	2.980
3.	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/người/tháng	6,8

**Điều 2.** Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, kế hoạch 2025. Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

**Điều 3.** Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch 2025. Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

**Điều 4.** Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	276.610
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	67
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	276.543
4	Giá vốn hàng bán	253.221
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.322
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.171
7	Chi phí tài chính	1.257

8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.165
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.071
11	Thu nhập khác	418
12	Chi phí khác	564
13	Lợi nhuận khác	(146)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.925
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	981
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.944

**Điều 5.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 và kế hoạch năm 2025:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

- + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: 2.943.558.729 đồng.
- + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 913.538.664 đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại sau khi trích các quỹ nêu trên dùng chi trả cổ tức: 2.030.020.065 đồng (Hai tỷ, không trăm ba mươi triệu, không trăm hai mươi nghìn, không trăm sáu mươi lăm đồng).

Cổ tức 6.16% tương đương 616 đồng/cổ phần.

Hình thức chi trả bằng tiền. Thời gian chi trả: Quý III/2025

\* Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

- + Cổ tức dự kiến 5,5% -6,5%.
- + Trích quỹ phúc lợi, khen thưởng bộ phận văn phòng công ty: 20% lợi nhuận sau thuế (nếu hoàn thành kế hoạch cổ tức), 15% lợi nhuận sau thuế (nếu ko hoàn thành kế hoạch cổ tức).
- + Lợi nhuận sau thuế của bộ phận kinh doanh: trích quỹ phúc lợi khen thưởng.
- + Không tạm ứng cổ tức năm 2025.



**Điều 6.** Thông qua báo cáo về thù lao, tiền lương của từng thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi thù lao, lương, thưởng và chi phí cho HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng năm 2025.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

1. Chi phí tiền lương, thù lao của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024:

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trần Chính	Chủ tịch HĐQT-PGD Công ty	222.693.600	
2	Đỗ Thị Minh Hải	P.Chủ tịch HĐQT	141.414.900	
3	Hồ Viết Lân	Thành viên HĐQT	25.200.000	
4	Thiều Văn San	Thành viên HĐQT	8.400.000	Miễn nhiệm 26/4/2024
5	Lê Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT	25.200.000	
6	Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	16.800.000	Từ T5/2024
7	Trương Thị Thanh Bình	TB kiểm soát	148.507.800	
8	Tổng Thị Thọ	TV Ban kiểm soát	16.800.000	
9	Nguyễn Tiến Hải	TV Ban kiểm soát	5.600.000	Miễn nhiệm 26/4/2024
10	Nguyễn Thị Nga	TV Ban kiểm soát	11.200.000	Từ T5/2024

2. Tiền lương của Giám đốc, các phó Giám đốc, kế toán trưởng năm 2024:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hồ Viết Lân	Giám đốc	174.508.800	
2	Nguyễn Minh Tuấn	Phó giám đốc	145.867.800	
3	Nguyễn Ngọc Sang	Phó giám đốc	142.933.800	
4	Lê Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	151.641.600	

**Điều 7.** Thông qua chi phí hoạt động, mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2024, kế hoạch năm 2025: Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

1. Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2024, kế hoạch năm 2025:

Khoản mục	Thực hiện năm 2024(đồng)	Kế hoạch năm 2025(đồng)
Thù lao	100.800.000	100.800.000
Đi công tác, tham gia các hiệp hội...	82.375.120	100.000.000
<b>Tổng</b>		

2. Chi phí hoạt động của BKS năm 2024, kế hoạch năm 2025:

Khoản mục	Thực hiện năm 2024(đồng)	Kế hoạch năm 2025(đồng)
Thù lao	33.600.000	33.600.000
<b>Tổng</b>	<b>33.600.000</b>	<b>33.600.000</b>

**Điều 8:** Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của công ty:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100 %

Gồm các công ty sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Quốc tế.
3. Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế.

Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của công ty.

**Điều 9:** Thông qua việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

Số TT	Mã ngành			Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung
	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	
	011			Trồng cây hàng năm
		0118		Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
		0119		Trồng cây hàng năm khác
	012			Trồng cây lâu năm
		0121		Trồng cây ăn quả



	331			Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn
		3312	33120	Sửa chữa máy móc thiết bị
		3315	33150	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
		3319	33190	Sửa chữa thiết bị khác
	360	3600	36000	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
	382			Xử lý và tiêu hủy rác thải
		3821	38210	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
		3822		Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
	383	3830		Tái chế phế liệu
	390	3900	39000	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
	421	4212	42120	Xây dựng công trình đường bộ
	422			Xây dựng công trình công ích
		4221	42210	Xây dựng công trình điện
		4222	42220	Xây dựng cấp, thoát nước
		4229	42290	Xây dựng công trình công ích khác
	431			Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng
		4311	43110	Phá dỡ
	432			Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác
		4321	43210	Lắp đặt hệ thống điện
		4322		Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí
		4329	43290	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
	452	4520	45200	Bảo dưỡng, sửa chữa oto và xe có động cơ khác
	466			Bán buôn chuyên doanh khác
		4669		Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
		6810		Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Cho thuê vị trí, địa điểm kinh doanh để tổ



				chức kinh doanh, vận tải các dịch vụ tại tuyến phố đi bộ, hồ điều hòa - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở
	702	7020	70200	Hoạt động tư vấn quản lý
	812			Dịch vụ vệ sinh
		8121	81210	Vệ sinh chung nhà cửa
		8129	81290	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt

Sửa đổi Điều 4.1 về ngành, nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty.

Bổ sung phản ánh việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh theo nội dung trên.

**Điều 10:** Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với Bà Đỗ Thị Minh Hải.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 100%

**Điều 11:** Thông qua số lượng và danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Tỷ lệ biểu quyết 100%

Kết quả đại hội bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 trúng cử: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

**Điều 12.** Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết về chi trả cổ tức năm 2024 đối với cổ đông và phương án phải xử lý (nếu có).

**Điều 13.** Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/04/2025 với 40 cổ đông tham dự biểu quyết = 3.192.390 CP, đạt 100%.

Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, các phòng, ban đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Điều 13; Cổ đông;
- UBCKNN; Sở GDCKHN;
- UBND Tỉnh Thanh Hóa
- Lưu: VT, TKHQQT; TLĐHCĐ2025.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Trần Chính**